

Số: 76/2017/NQ-HĐND

Hà Giang, ngày 24 tháng 4 năm 2017

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định về Lệ phí đăng ký cư trú và Lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang

#### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG KHOÁ XVII - KỲ HỌP THỨ TƯ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;  
Căn cứ Nghị định số 31/2014/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú;  
Căn cứ Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân;  
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;  
Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  
Xét Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định về Lệ phí đăng ký cư trú và Lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang như sau:

#### **1. Lệ phí đăng ký cư trú:**

a) Đối tượng áp dụng: Hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

b) Đối tượng miễn lệ phí: Miễn lệ phí đăng ký cư trú khi đăng ký lần đầu và thay mới sổ hộ khẩu và sổ tạm trú theo quy định của nhà nước đối với các đối tượng sau:

- Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.
- Thương binh, bệnh binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, bệnh binh.
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
- Công dân thuộc xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Ủy ban Dân tộc.
- Công dân thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo do Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Đơn vị tổ chức thu: Công an cấp huyện và Công an cấp xã.

## 2. Lệ phí cấp chứng minh nhân dân:

a) Đối tượng áp dụng:

- Cá nhân được cơ quan Công an cấp chứng minh nhân dân;
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

b) Đối tượng miễn lệ phí: Miễn lệ phí cấp chứng minh nhân dân khi cấp lần đầu và thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các đối tượng sau:

- Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ.
- Thương binh, bệnh binh, con dưới 18 tuổi của thương binh, bệnh binh.
- Công dân thuộc xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thôn đặc biệt khó khăn theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

c) Đơn vị tổ chức thu:

- Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự - xã hội Công an tỉnh;
- Công an cấp huyện làm công tác cấp phát chứng minh nhân dân.

**3. Nội dung và mức thu:** Theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

## 4. Quản lý và sử dụng nguồn thu lệ phí:

a) Quản lý nguồn thu lệ phí: Đơn vị tổ chức thu nộp 100% số thu vào ngân sách Trung ương theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành;

b) Đơn vị thu sử dụng từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước giao trong dự toán để tổ chức thực hiện.

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVII - Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 5 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 144/2014/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký cư trú, lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr. Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIV tỉnh Hà Giang;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XVII;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH; HĐND; UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thào Hồng Sơn



**Mức thu Lệ phí đăng ký cư trú, Lệ phí cấp chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/2017/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Đối với phường, thị trấn trung tâm huyện	Đối với các khu vực khác
<b>I</b>	<b>Lệ phí đăng ký cư trú</b>			
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần/đăng ký	15.000	7.000
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cho cá nhân	đồng/lần cấp	20.000	10.000
3	Cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	10.000	5.000
4	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú)	đồng/lần/đính chính	8.000	4.000
5	Gia hạn tạm trú	đồng/lần gia hạn	4.000	2.000
<b>II</b>	<b>Lệ phí cấp chứng minh nhân dân</b>			
	Cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi chứng minh nhân dân (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân)	đồng/lần cấp	9.000	4.000